TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 449/2024/HC-PT

Ngày: 13/8/2024

V/v "V/v khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, yêu cầu bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đỗ Quyên - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử trực tuyến vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 157/2024/HC-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, buộc thực hiện hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7792/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Lê Thị X, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà X: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số nhà A, ngõ I, đường L, Phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H; Ủy ban nhân dân tỉnh H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng L – Phó Chủ tịch UBND tỉnh H, có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H; Ủy ban nhân dân tỉnh H:

+ Ông Võ Tá N - Phó giám đốc Sở Công thương tỉnh H; có mặt

+ Ông Lê Đức N1 – Phó giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh H; có mặt

+ Ông Nguyễn Quốc T1 – Phó giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

+ Ông Phạm Chí H – Phó giám đốc Sở Tài chính tỉnh H; có mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tĩnh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, có đơn xin xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N2 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người khởi kiện bà Lê Thị X và người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị X trình bày như sau:

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Hướng dẫn của Bộ N4, UBND tỉnh H đã chỉ đạo UBND huyện T tiến hành kiểm tra, thống kê thiệt hại để đền bù thiệt hại lô hàng tẩm ướp lưu kho bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển cho các cơ sở chế biến trên địa bàn Hà Tĩnh, trong đó hộ gia đình bà X, theo khoản 4 điều 1, Quyết định số 1880 ngày 29/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, bà X là đối tượng thiệt hại do sự cố môi trường biển (MTB), được bồi thường thiệt hại.

Thực hiện Quyết định 1880/QĐ-TTg ngày 29/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 12 ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh H, UBND huyện T đã tổ chức chi trả tiền bồi thường về phần thu nhập bị mất do ảnh hưởng sự cố MTB từ năm 2017, phần thiệt hại về tài sản là lô hàng hải sản tẩm ướp lưu kho, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và quyết định số 12 ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 27/9/2017 UBND tỉnh H đã báo cáo thiệt hại về lô hàng hải sản tẩm ướp tồn kho trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Tổng thiệt hại là 30.000 kg ruốc (với tổng thiệt hại là 1,5 tỷ đồng), đồng thời với báo cáo, chủ tịch UBND tỉnh H cam đoan với Thủ tướng Chính phủ đó

là số thiệt hại thực tế của các cơ sở chế biến hải sản về hàng hải sản tẩm ướp tồn kho bị ảnh hưởng do sự cố MTB, cũng trong các báo cáo, chủ tịch UBND tỉnh H cam kết với Thủ tướng Chính phủ sẽ chi trả cho các chủ cơ sở chế biến hải sản tẩm ướp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong đó có bà Lê Thị X.

Theo trình tự thực hiện đề án xác định thiệt hại để đền bù thiệt hại theo quyết định số 12 ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ, sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kinh phí và được Bộ T2 cấp kinh phí (được cấp 75 tỷ đồng vào ngày 29/11/2017 – tại công văn 1826 ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ), UBND tỉnh H, UBND huyện T phải tổ chức chi trả cho người dân, tuy nhiên, UBND tỉnh H, UBND huyện T sau khi nhận được tiền của Chính phủ cấp về, không chi trả cho bà X.

Ngày 27/8/2021, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 12546/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà X, nội dung quyết định trái pháp luật xâm phạm quyền lợi hợp pháp của bà, vì vậy bà X khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh H.

Ngày 20/9/2022, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2, nội dung quyết định trái pháp luật, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của bà, vì theo quy định tại khoản 1 điều 28 Nghị định 124/2020, Chủ tịch UBND tỉnh H phải trực tiếp đối thoại với người khiếu nại, vì đây là trường hợp khiếu nại nhiều người cùng một nội dung, có tính chất phức tạp, có nhiều quan điểm khác nhau, kéo dài nhiều năm, tuy nhiên, Chủ tịch UBND tỉnh không tham gia đối thoại mà uỷ quyền cho những người không đủ thẩm quyền đứng ra giải quyết, vi phạm Điều 39 Luật khiếu nại năm 2011. Mặt khác nội dung quyết định giải quyết khiếu nại áp dụng sai pháp luật, trái với ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ Ngành, bởi theo kết quả xác minh nêu trong quyết định, căn cứ tiêu chí được bồi thường mà Thủ tướng Chính phủ đã đề ra tại gạch đầu dòng thứ 3 điểm a khoản 1 văn bản 1826 ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ, hộ bà Lê Thị X đủ điều kiện được bồi thường, vì:

- Hàng có thật trong kho (đến nay đã bị hư hỏng);

- Có bằng chứng thu mua tại địa phương trong giai đoạn xảy ra sự cố MTB;

- Có xác nhận của đại diện cộng đồng dân cư và UBND xã.

Việc chưa cân đong đo đếm hàng thực tế trong kho là do UBND huyện T và UBND tỉnh không thực hiện nhiệm vụ mà Thủ tướng đã giao trong các văn bản. Những văn bản mà UBND tỉnh H áp dụng đã bị thay thế. Bộ C1 đã kết luận tại báo cáo 8044 ngày 31/8/2017 là: Toàn bộ lô hàng hải sản tồn kho nếu áp dụng các văn bản cũ (trước ngày 31/8/2017) thì không đủ điều kiện bồi thường, chính vì vậy Thủ tướng Chính phủ đã sửa đổi, bổ sung và nêu tiêu chí được bồi thường tại văn bản 1826 ngày 29/11/2017, theo tiêu chí này chủ tịch UBND tỉnh H đã không thực hiện để chi trả tiền cho bà X.

Vì vậy, bà X khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh H;

- Hủy quyết định số 12546/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện T;

- Kiến nghị UBND tỉnh H sửa đổi Kế hoạch 218 ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh H.

- Buộc UBND tỉnh H, UBND huyện T phải thực hiện bồi thường thiệt hại lô hàng tẩm ướp tồn kho của bà X do bị ảnh hưởng sự cố môi trường biển miền trung.

- Buộc UBND tỉnh H phải thực hiện kiến nghị của 7 Bộ, B, N3 về việc tiêu hủy toàn bộ hàng hải sản tồn kho bị hư hỏng do sự cố môi trường biển.

- Buộc Chủ tịch UBND tỉnh H phải quyết định cấp phí bồi thường thiệt hại cho huyện T phần thiệt hại của cơ sở bà X.

- Buộc Chủ tịch UBND huyện T phải phê duyệt kinh phí chi trả bồi thường thiệt hại cho bà X theo kết quả kiểm tra của UBND tỉnh H.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi cích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H, Ủy ban nhân dân tỉnh H trình bày:

Trên cơ sở Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 29/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành định mức bồi thường thiệt hại cho các đối tượng tại các tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên H1 bị thiệt hại do sự cố môi trường biển; Văn bản số 1218/BTC-NSNN ngày 24/01/2017 của Bộ T2 về việc hướng dẫn về hóa đơn chứng từ để xác định giá thu mua hàng hải sản lưu kho trước ngày 30/8/2016 làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 01/9/2017 của Văn phòng C2 về Thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trương Hòa B1 tại cuộc họp lần thứ IX Ban Chỉ đạo về các giải pháp ổn định đời sống và sản xuất, kinh doanh cho Nhân dân 04 tỉnh Miền Trung; Văn bản số 1826/TTg-NN ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý hàng hải sản tồn đọng và các đối tượng tồn đọng khác tại địa bàn 04 tỉnh bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển; Thông báo số 92/TB-VPCP ngày 12/3/2020 của Văn phòng C2 về Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân P tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Hà Tĩnh; Văn bản số 2138/BNN-TCTS ngày 24/3/2020 của Bộ N5 về việc triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 20/6/2020 triển khai thực hiện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường đối với hải sản tẩm ướp. UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, UBND huyện L rà soát, thực hiện quy trình hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển đối với hải sản tẩm ướp đảm bảo đúng theo trình tự, thủ tục quy định.

Về điều kiện, tiêu chí để xác định hỗ trợ: Chủ cơ sở chế biến hải sản tẩm ướp (chế biến cả ướp, mắm hải sản các loại (trừ nước mắm) để kinh doanh có địa điểm chế biến tại các xã, phường, thị trấn ven biển, cửa sông đã được hỗ trợ thiệt hại về lao động theo quy định tại Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 29/9/2016 và Văn bản số 1826/TTg-NN ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Danh mục nhóm hải sản tẩm ướp gồm: cá ướp, mắm các loại (trừ nước mắm); Thời gian hỗ trợ: Hải sản tẩm ướp tồn đọng được thu mua, chế biến trước ngày 30/8/2016; Tiêu chí xác định: Các đối tượng đáp ứng các tiêu chí hàng hải sản xác thực hiện đang tồn trong kho, chưa tiêu thụ được; Có bằng chứng chứng minh nguồn gốc, được thu mua, tạm trữ trên địa bàn địa phương trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển; Có sự giám sát, xác thực của đại diện cộng đồng dân cư khu vực.

Về hồ sơ của bà Lê Thị X: Cơ sở của bà X đã thực hiện kê khai hải sản tẩm ướp tồn kho bị thiệt hại do sự cố môi trường biển với tổng khối lượng kê khai 30.000 kg ruốc, giá trị 1,5 tỷ đồng. Kê khai thu mua nguyên liệu đầu vào ruốc từ 11 hộ gia đình trên địa bàn xã T, huyện T.

Căn cứ các quy định nêu trên, kết quả kiểm tra, xác minh hồ sơ của bà X cho thấy, hồ sơ không có hóa đơn, chứng từ, bằng chứng chứng minh nguồn gốc được thu mua, tạm trữ trên địa bàn trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển (trước ngày 30/8/2016) không đảm bảo theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 mục I, Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 01/9/2017 của Văn phòng C2, cụ thể:

Bằng chứng thu mua cơ sở cung cấp là sổ ghi chép nhập hàng (bao gồm các bảng kê khai thu mua hàng hóa, dịch vụ thu mua đầu vào không có hóa đơn theo biểu mẫu 01/TNDN của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ T2). Tuy nhiên hàng hóa mua vào lập theo bảng kê này không có căn cứ để lập theo quy định tại Văn bản 1218/BTC-NSNN ngày 24/01/2017 của Bộ T2; các bảng kê khai thu mua hàng hóa, dịch vụ thu mua đầu vào được lập vào năm 2020 và nhờ các cơ sở kinh doanh, hộ gia đình khác trên địa bàn nơi công dân khiếu nại cư trú ký xác nhận; có những nội dung, thông tin, số liệu trong sổ nhập hàng không trùng khớp giữa hồ sơ kê khai và xác minh thực tế. Nguồn gốc, thời gian thu mua, tạm trữ đối với khối lượng hàng hải sản tẩm ướp giải trình của công dân có nhiều mâu thuẫn, bất hợp lý; số liệu trong hồ sơ kê khai không phù hợp, có dấu hiệu làm giả hồ sơ, không đảm bảo trung thực, chính xác. Kết quả xác minh của Công an huyện T đã nêu rõ: Hồ sơ của bà Lê Thị X không đảm bảo các điều kiện để hỗ trợ theo quy định (Báo cáo số 1245/CATH-TCT ngày 26/11/2020 và Báo cáo số 1260/CHTH-TCT ngày 30/11/2020). Như vậy, hồ sơ do bà Lê Thị X cung cấp không đảm bảo đúng quy định, do đó không có cơ sở để được hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển đối với hải sản tẩm ướp theo quy định.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tĩnh trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày tại phiên tòa:

Thực hiện Văn bản số 323/UBND-NL ngày 18/01/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường đối với hải sản tẩm ướp theo Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh (sau đây viết tắt 218), UBND huyện T đã triển khai các nội dung theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 218. Để kiểm tra tính xác thực của bằng chứng chứng minh, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 6863/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 thành lập Hội đồng thẩm định, đánh giá thiệt hại do sự cố môi trường biển đối với hải sản tẩm ướp hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường; Quyết định số 6864/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ giúp việc Hội đồng đánh giá, thẩm định thiệt hại do sự cố môi trường biển đối với hải sản tẩm ướp; sau khi có kết quả tổng hợp kê khai và đề xuất của các xã trên cơ sở kết quả kiểm tra, phân loại hồ sơ kê khai, ngày 29/9/2020 UBND huyện ban hành Quyết định số 8411/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ xác minh nguồn gốc và tính hợp lý, hợp pháp hồ sơ đối với hải sản tẩm ướp tồn kho thiệt hại do sự cố môi trường biển (lực lượng Công an huyện là nòng cốt), sau khi có kết quả xác minh của Tổ công tác và căn cứ hồ sơ kê khai của các tổ chức, cá nhân có kê khai thiệt hại. Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh, UBND huyện ban hành Thông báo số 289/UBND-NN ngày 8/2/2021 cho bà Lê Thị X được biết không đủ điều kiện được bồi thường sự cố môi trường biển đối với hải sản tẩm ướp. Bà X không nhất trí với thông báo trả lời nêu trên và có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện T. Chủ tịch UBND huyện T đã thụ lý, thành lập Tổ kiểm tra, xác minh tại Quyết định số 2291/QĐ-UBND ngày 16/4/2021. Trên cơ sở các báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại ngày 27/8/2021 của tổ xác minh, ngày 27/8/2021 Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 12546/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Lê Thị X.

UBND huyện T giải quyết đề nghị hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường đối với hải sản tẩm ướp với bà Lê Thị X là đúng quy định tại Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh và các văn bản của Trung ương. Việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện T đối với bà Lê Thị X là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và đúng quy định pháp luật. Chủ tịch UBND huyện T, UBND huyện T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã T nhất trí với ý kiến trình bày của UBND huyện T.

Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; điểm c khoản 1 mục II Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh H; Điểm b khoản 1 mục 1 Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 01/9/2017 của Văn phòng C2; Mục 1 Văn bản số 1826/TTg-NN ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 1218/BTC-NSNN ngày 24/01/2017 của Bộ T2; Điểm a khoản 2 Văn bản số 2138/BNN-TCTS ngày

24/3/2020 của Bộ N5 về triển khai thực hiện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển đối với nhóm hải sản tẩm ướp; Điểm 1.4 khoản 1 Mục III Văn bản hướng dẫn liên ngành số 680/LN-NN&PTNT-TC-CT-VHTT&DL ngày 27/12/2017 về hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011; Thông tư số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật khiếu nại; Luật tổ chức chính quyền địa phương, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X về các nội dung:

- Hủy Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh H;

- Hủy quyết định số 12546/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, bà Lê Thị X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị X và người đại diện theo ủy quyền của bà X trình bày như sau:

Do bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển cho các cơ sở chế biến trên địa bàn Hà Tĩnh, hộ gia đình bà X, phần thiệt hại về tài sản là lô hàng hải sản tẩm ướp lưu kho bị thiệt hại do bị ảnh hưởng do sự cố MTB, trong đó có bà Lê Thị X.

Theo quyết định số 12 ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ và tại công văn 1826 ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ thìUBND tỉnh Hà Tĩnh, UBND huyện T phải tổ chức chi trả cho người dân. Tuy nhiên, UBND tỉnh H, UBND huyện T sau khi nhận được tiền của Chính phủ cấp về, không chi trả cho bà X.

Quyết định số 12546/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà X, nội dung quyết định trái pháp luật xâm phạm quyền lợi hợp pháp của bà, vì vậy bà X khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh H.

Chủ tịch UBND tỉnh không tham gia đối thoại mà uỷ quyền cho những người không đủ thẩm quyền đứng ra giải quyết, nội dung quyết định giải quyết khiếu nại áp dụng sai pháp luật, trái với ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ Ngành, theo điểm a khoản 1 văn bản 1826 ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ, hộ bà đủ điều kiện được bồi thường, vì hàng có thật trong kho (đến nay đã bị hư hỏng), có bằng chứng thu mua tại địa phương trong giai đoạn xảy ra sự cố MTB, có xác nhận của đại diện cộng đồng dân cư và UBND xã.

UBND huyện T và UBND tỉnh không thực hiện nhiệm vụ mà Thủ tướng

đã giao trong các văn bản. Những văn bản mà UBND tỉnh H áp dụng đã bị thay thế.

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bộ Nông nghiệp vào tham gia tố tụng là vi phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa hôm nay thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà X là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị X. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 là đúng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Việc khởi kiện của bà Lê Thị X được thực hiện trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Đơn kháng cáo của bà Lê Thị X được gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các điều 204, 205 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về sự vắng mặt của người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và đây là phiên tòa được mở lần thứ hai.

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[5] Xét kháng cáo của bà Lê Thị X Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích và đánh giá như sau:

5.1 Quyết định giải quyết khiếu nại số 12546/QĐ- UBND ngày 27/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện T ban hành là đúng thẩm quyền, trình tự quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011 và Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; các Điều 22, 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương, các Điều 18, 21 và mục 2, mục 3 Luật khiếu nại năm 2021. Quyết định giải quyết khiếu nại số 1951/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành đảm

bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011 và Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, các Điều 22, 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương, Điều 18, 21 và mục 2, mục 3 Luật khiếu nại năm 2021. Quyết định giải quyết khiếu nại số 12546/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện T; Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh H:

Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu và tường trình của bà X, cho thấy khối lượng hàng hải sản tẩm ướp tồn đọng của bà X kê khai tại Biểu 2.1, kèm theo Kế hoạch số 218/KH-UBND, được UBND xã T xác nhận vào biểu kê khai và tổng hợp, báo cáo cho UBND huyện T tại B, kèm theo Kế hoạch số 218/KH-UBND, với tổng khối lượng 30.000 kg (ruốc mặn), kèm theo bằng chứng chứng minh nguồn gốc hải sản tẩm ướp thu mua nguyên liệu đầu vào.

Theo hồ sơ vụ án thì qua kết quả làm việc với bà Lê Thị X xác định về nguồn gốc và thời gian thu mua thì toàn bộ khối lượng hải sản tẩm ướp kê khai được bà thu mua của 11 hộ dân trên địa bàn xã T. Bà Lê Thị X cho rằng quá trình mua bán hải sản bà đều thực hiện Bảng kê khai thu mua hàng hóa, dịch vụ thu mua đầu vào không có hóa đơn theo biểu mẫu 01/TNDN kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T2. Các bảng kê khai thu mua hàng hóa có ký xác nhận của các hộ gia đình, chủ cơ sở bán hải sản. Tuy nhiên, tại hồ sơ thể hiện quá trình mua bán chỉ được lưu lại trên sổ tay tự lập là sổ nhập hàng năm 2016, sổ viết tay thủ công, không có hóa đơn chứng từ. Theo như bà X, mặc dù không có hóa đơn chứng từ nhưng đã được các bên mua-bán xác nhận. Nhưng qua xác minh thấy rằng những người đã xác nhận việc mua bán với bà Lê Thị X cung cấp các lời khai ở các thời điểm khác nhau có nhiều mâu thuẫn, các lời khai đều khẳng định việc mua bán diễn ra trên thực tế và không có hóa đơn chứng từ. Về nội dung mua bán, thời gian mua bán và có ký vào sổ hay không thì còn mâu thuẫn. Những người này cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của mình và đều xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu và tường trình của bà X cho thấy khối lượng hàng hải sản tẩm ướp tồn đọng của bà X kê khai tại Bảng kê theo mẫu 01/TNDN được lập vào khoảng tháng 7/2020, tuy nhiên thời gian ghi trong bảng kê được hộ ghi là năm 2016. Ngoài bảng kê theo mẫu 01/TNDN kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ T2, các loại giấy tờ, sổ sách liên quan khác là không có; Tổ công tác đã tiến hành làm việc với một số người đã ký xác nhận vào bảng kê mà bà Lê Thị X đã lập thì tất cả những người này được bà Lê Thị X nhờ ký vào khoảng đầu tháng 7/2020 và các hộ đều không nhớ rõ đã bán số lượng là bao nhiêu. Mặt khác, tại biên bản (ngày 24/7/2020) làm việc với Tổ công tác, Công an xã T, bà Lê Thị X đã xác nhận hồ sơ kê khai mà bà đã nộp cho UBND xã T là không đúng thực tế. Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị X trình bày về nội dung này có sự mâu thuẫn, không thống nhất: khi thì do công an

viết sẵn, yêu cầu bà ký, bà không rõ nội dung là gì; khi thì trình bày bị đe dọa phải viết vào bản xác nhận là không có căn cứ để chấp nhận.

Mặt khác, bà Lê Thị X cũng không cung cấp được chứng cứ mua bán giữa bà với các đối tượng có tên trong cuốn sổ nhập hàng. Vì vậy, không thể xác định được những cuốn sổ mua bán bà Lê Thị X cung cấp được lập ra tại thời điểm nào, nội dung bên trong có đúng hay không, không thể xác định chính xác được đối tượng, số lượng, đơn giá thu mua vì hoạt động mua bán chủ yếu diễn ra dưới hình thức mua đứt, bán đoạn; không có sổ sách, giấy tờ ghi chép để đối chiếu giữa bên bán và bên mua, không xác định được sản phẩm thu mua là gì,...

Ông Nguyễn Đình M - Thôn T, xã T báo cáo: Về quy trình: thôn đã phối hợp với Tổ thống kê, rà soát thiệt hại của UBND xã T kiểm tra và hướng dẫn cho cơ sở bà X kê khai hàng hải sản tẩm ướp theo trình tự, quy định tại Kế hoạch số 218/KH-UBND; Về nguồn gốc khối lượng hàng kê khai: toàn lô hàng ruốc của bà X được thu mua của các hộ gia đình trên địa bàn xã T trong năm 2016 (không nhớ thời gian cụ thể ngày, tháng nào). Tuy nhiên, tại buổi làm việc với đoàn xác minh, ông Nguyễn Đình M không cung cấp được hồ sơ, tài liệu để chứng minh khối lượng hàng hải sản tẩm ướp tồn đọng của bà X được thu mua và chế biến trên bàn trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển.

Ông Nguyễn Văn C – Nguyên bí thư Chi bộ thôn T, xã T, huyện T và UBND xã T, huyện T khai: Ông chỉ xác nhận đối tượng (họ tên, chữ ký của người kê khai), không phải xác nhận sản lượng, giá trị và bằng chứng chứng minh.

Như vậy có thể khẳng định, hồ sơ kê khai đề nghị hỗ trợ đối với hàng hải sản tẩm ướp của bà Lê Thị X không có hóa đơn, chứng từ, bằng chứng chứng minh nguồn gốc, được thu mua, tạm trữ trên địa bàn trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển (trước ngày 30/8/2016). Bằng chứng chứng minh nguồn gốc hải sản, khối lượng hàng hải sản tẩm ướp của bà X là Bảng kê 01/TNDN. Tuy vậy, bảng kê này được đối tượng ký thời gian sau sự cố môi trường biển; đơn giá, số tiền thu mua được ghi trong sổ mua hàng do bà X đề năm 2016 không đúng với thực tế. Quá trình xác minh, làm việc với bà X và các tổ chức, cá nhân có liên quan không cung cấp thêm được các hồ sơ, tài liệu, hóa đơn chứng từ chứng minh khối lượng hải sản tẩm ướp kê khai của công dân được thu mua chế biến theo quy định tại điểm c khoản 1 mục II Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh; điểm b khoản 1 mục I Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 01/9/2017 của Văn phòng C2; điểm a khoản 2 Văn bản số 2138/BNN-TCTS ngày 24/3/2020 của Bộ N5 về triển khai thực hiện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển đối với nhóm hải sản tẩm ướp và điểm 1.4 khoản 1, mục III Văn bản hướng dẫn liên ngành số 680/LN-NN&PTNT-TC-CT- VHTT&DL ngày 27/12/2017 về hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển trên địa bàn tỉnh. Vì vậy UBND tỉnh H quyết định công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 12546/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện T.

Từ những phân tích nêu trên thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X là đúng.

Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị X giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo của bà Lê Thị X không được Tòa án chấp nhận, do đó bà Lê Thị X phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị X, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

2. Về án phí: bà Lê Thị X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm.

Xác nhận bà Lê Thị X đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tiền 0000796 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng